TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 120/2024/QĐST- DS	*Bình Thạnh, ngày 23 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 2300/2023/TLST – DS ngày 05 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1955

Địa chỉ thường trú số 484B Lê Quang Đ, Phường 11, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc số 300H Nguyễn Văn Đ, Phường 11, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền có bà Cao Thị L, sinh năm 1979, địa chỉ số 76 đường 17, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 09/11/2023).

Bị đơn: Ông Võ Công T, sinh năm 1949

Và bà Trương Thị T, sinh năm 1958

Cùng địa chỉ số 334/3 Phan Văn Trị, Phường 11, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Ngô Hữu T, sinh năm 1957

Địa chỉ thường trú số 484B Lê Quang Đ, Phường 11, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc số 300H Nguyễn Văn Đ, Phường 11, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Võ Công T và bà Trương Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị N số tiền tổng cộng là 6.230.000.000 (sáu tỉ hai trăm ba mươi triệu) đồng làm một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

2.2. Án phí hòa giải thành: Bà Phạm Thị N, ông Võ Công T, bà Trương Thị T thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. BT;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

Dương Thị Thảo Trân